TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2019
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Phạm Thị Lan**

2- Ông **Lê Hoàng Vũ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 79/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Bích T** (tên gọi khác H), sinh năm 1989. (có mặt)

2- Bị đơn: Anh **Lê Hữu N**, sinh năm 1983. (vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp CV, xã TY, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bích T và anh Lê Hữu N yêu thương nhau, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TY, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang vào ngày 06/10/2009. Chị T và anh N chung sống

được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân do anh N không quan tâm đến gia đình, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị T và anh N có 02 người con chung tên Lê Hữu T, sinh ngày 01/11/2008, giới tính nam và Lê Huỳnh V, sinh ngày 19/02/2015, giới tính nữ. Các con đang sống chung với gia đình. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày là không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hữu N có đơn xin xét xử vắng mặt, tại biên bản ghi lời khai ngày 06/8/2019 anh N trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh N còn thương chị T nên không đồng ý ly hôn. Nếu chị T muốn ly hôn thì tùy ý.

- Về con chung: Anh N đồng ý giao các con cho chị T nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát huyện U Minh Thượng:

- Về phần thủ tục: Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn xử lý đơn khởi kiện, từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

- Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Bích T xử cho chị Huỳnh Thị Bích T và anh Lê Hữu N ly hôn.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Hữu T, sinh ngày 01/11/2008, giới tính nam và Lê Huỳnh V, sinh ngày 19/02/2015, giới tính nữ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét

Về tài sản và phần nợ chung: Chị T và anh N thống nhất trình bày là không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang , căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Hữu N có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/8/2019 với lý do bận công việc gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bích T và anh Lê Hữu N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TY, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 06/10/2009 nên hôn nhân của chị T và anh N là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh N không quan tâm đến gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh N không có ý kiến gì đối với mâu thuẫn mà chị T đã trình bày, cho rằng còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn giữa chị T và anh N nhưng vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử động viên chị T hàn gắn tình cảm với anh N tiếp tục chung sống, chăm lo cho các con, nhưng chị T vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh N.

Căn cứ lời trình bày của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét thấy nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh N kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị Huỳnh Thị Bích T và anh Lê Hữu N được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con: Chị T và anh N có 02 người con chung tên Lê Hữu T, sinh ngày 01/11/2008, giới tính nam và Lê Huỳnh V, sinh ngày 19/02/2015, giới tính nữ. Chị T và anh N thống nhất giao các con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai cháu Lê Hữu T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ (chị T).

Xét điều kiện nuôi con của chị T: Hiện nay chị T làm nghề mua bán, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng/tháng, đảm bảo nuôi con và lo cho các con đi học.

Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị T và anh N, giao 02 người con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét. Anh N có quyền thăm con, chăm sóc và giáo dục con chung, chị T và các thành viên trong gia đình không có quyền ngăn cản, nhưng anh N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T. Khi cần thiết chị T và anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu nên không xem xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Bích T phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng, theo lai thu số 0002907, ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Huỳnh Thị Bích T (H) và anh Lê Hữu N được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Huỳnh Thị Bích T và anh Lê Hữu N giao con chung tên Lê Hữu T, sinh ngày 01/11/2008, giới tính nam và Lê Huỳnh V, sinh ngày 19/02/2015, giới tính nữ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét. Anh N có quyền thăm con, chăm sóc và giáo dục con chung, chị T và các thành viên trong gia đình không có quyền ngăn cản, nhưng anh N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con của chị T. Khi cần thiết chị T và anh N có quyền yêu cầu việc thay đổi nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu nên không xem xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Bích T phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng, theo lai thu số 0002907, ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị T biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/8/2019). Anh N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện U Minh Thượng;*
- *CCTHADS huyện U Minh Thượng;*
- *UBND xã TY;.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh